| BỘ QUỐC PHÒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 14 /2025/TT-BQP | *Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025* |

# THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng**

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự ngày 24 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫu thi hành một số nội duug tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chinh phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng**

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

**"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng các dự án đầu tư xây dựng phục vụ quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư; do người đứng đầu doanh nghiệp quốc phòng quyết định đầu tư.

2. Việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình quốc phòng loại A quy định tại Thông tư này thực hiện theo Quy chế xây dựng công trình chiến đấu".

2. Sửa đổi Điều 2 như sau:

**"Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng các dự án đầu tư xây dựng phục vụ quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư; do người đứng đầu doanh nghiệp quốc phòng quyết định đầu tư".

3. Bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 như sau:

**"Điều 2a. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng là Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp quốc phòng là Cục Hậu cần - Kỹ thuật (Cục Hậu cần) hoặc cơ quan thuộc quyền được giao quản lý xây dựng (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị);

3. Doanh nghiệp quốc phòng là doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng theo quy định tại khoản 5 Điều 217 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25 thảng 4 năm 2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày

01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.".

4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

**"Điều 3a. Phân loại, phân cấp, phân nhóm công trình**

1. Phân loại công trình quốc phòng

Công trình quốc phòng là công trình có kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác (có thể là một công trình độc lập hoặc một tổ hợp các công trình) phục vụ cho mục đích quốc phòng, bao gồm:

a) Công trình loại A là công trình quốc phòng phục vụ nhiệm vụ tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15;

b) Công trình loại B là công trình quốc phòng phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập của lực lượng quân đội và dân quân tự vệ, quy định tại điểm a khoản 3 Diều 5 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

c) Công trình loại C là công trình quốc phòng phục vụ cất trữ, sửa chữa, tiêu hủy vũ khí, đạn dược, trang bị, nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất các sản phẩm quốc phòng, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

d) Công trình loại D là công trình quốc phòng phục vụ sinh hoạt, học tập, làm việc thường xuyên của quân đội và các nhiệm vụ khác, không bao gồm các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản này, quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Phân cấp, phân nhóm công trình phục vụ quốc phòng được sử dụng trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng trong Bộ Quốc phòng, cụ thể như sau:

a) Nhóm công trình quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; quy định của Chính phủ về phân nhóm công trình quốc phòng;

b) Cấp công trình loại C, loại D được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Phụ lục II Thông tư số 174/2021/TT-BQP.".

5. Sửa đổi khoản 5 Điều 9 như sau:

"5. Hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng và quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu.".

6. Bổ sung khoản 1a, khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 10 như sau:

"1a. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng kiểm tra công trình

loại B, loại C, loại D thuộc các dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư; công trình loại B nhóm 1 do Tổng Tham mưu trưởng quyết định đầu tư; công trình loại C, loại D cấp II trở lên thuộc dự án do người đứng đầu doanh nghiệp quốc phòng quyết định đầu tư;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị kiểm tra các công trình thuộc phạm vi quản lý, bao gồm các công trình quy định tại điểm a khoản này.

1b. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành

a) Cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư thành lập bộ phận độc lập với ban quản lý dự án (bộ phận quản lý dự án) kiểm tra, làm cơ sở ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình. Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra; chủ đầu tư chỉ được đề nghị một cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra đối với các công trình thuộc dự án;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị tham gia kiểm tra công trình thuộc các dự án phục vụ quốc phòng do địa phương quyết định đầu tư.".

7. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 21 như sau:

"a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, người đứng đầu doanh nghiệp quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp xác định vi phạm và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư và các bên liên quan;".

8. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 22 như sau:

"a) Tham mưu với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.".

**Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung và thay thế một số phụ lục, mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 174/2021/TT-BQP**

1. Bãi bỏ Điều 4, Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 10.

2. Bãi bỏ; thay thế phụ lục, mẫu biểu.

a) Thay thế Mẫu số 02, 05, 06 Phụ lục III bằng Mẫu số 02, 05, 06 kèm theo Thông tư này.

b) Bãi bỏ Phụ lục I, Mẫu số 04 Phụ lục III.

**Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Loại, cấp, nhóm của công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư dự án.

2. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Thông tư số 174/2021/TT-BQP, chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức

kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thì thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Thông tư này; trường hợp công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thì cơ quan này tiếp tục thực hiện.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chủ nhiệm TCCT, Tổng Tham mưu trưởng;
- Các đ/c Thứ trưởng BQP;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Cục Doanh trại/Tổng cục HC-KT;
- Cổng Thông tin điện tử/BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT,THBĐ. H89.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

BỘ QUỐC PHÒNG

**Thượng tướng Vũ Hải Sản**

**Mẫu số 02**

| | |
|---|---|
| ..... (1) ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| .....(2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...../TB-..... | ....., *ngày..... tháng..... năm.....* |

# THÔNG BÁO
## Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công Hạng mục công trình, công trình...

Kính gửi: ...(3)...

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Số 174/2021/TT-BQP ngày 27/12/2021 quy định chi tiết vả hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng; số .../2025/TT-BQP ngày .../.../2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 174/2021/TT-BQP; số 28/2021/TT-BQP ngày 01/3/2021 Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện (5);

Căn cứ giấy phép xây dựng (nếu có);

Căn cứ các Báo cáo của chủ đầu tư: Báo cáo khởi công xây dựng công trình số ... ngày ...; Báo cáo thi công xây dựng số ... ngày ...; Báo cáo khắc phục tồn tại số ... ngày ... (nếu có);

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu ngày ...(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.... (2)...thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của ...(3)...đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:.....

b) Địa điểm xây dựng:.....

c) Loại và cấp công trình:.....

d) Quy mô và hiện trạng công trình.....

2. Kết quả kiểm tra

a) Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình/công trình xây dựng

*(Nêu hiện trạng thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; về tình hình chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng)*

b) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật

*(Nêu các đánh giá về năng lực các chủ thể tham gia xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và các quy định khác có liên quan, công tác lập và lưu trữ hồ sơ, ... thông qua kiểm tra hồ sơ công trình)*

c) Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- .....
- Yêu cầu khác (nếu có)

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ..... (4)....;
- Lưu::...

..... (2) .....

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

***Ghi chú:***

(1) Tên của cấp trên cơ quan chuyên môn về xây dựng.
(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp.
(3) Tên của chủ đầu tư.
(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan được giao quản lý đầu tư xây dựng.
(5) Đối với các công trình trường bắn, thao trường huấn luyện.

**Mẫu số 05**

| | |
|---|---|
| ..... (1) ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| .....(2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...../TB-... | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**THÔNG BÁO**
**Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành Hạng mục công trình, công trình xây dựng...**

Kính gửi: ...(3)...

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Số 174/2021/TT-BQP ngày 27/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng; số .../2025/TT-BQP ngày .../.../2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 174/2021/TT-BQP; số 28/2021/TT-BQP ngày 01/3/2021 Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện (5);

Căn cứ giấy phép xây dựng (nếu có);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số....;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số..ngày...;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số...ngày... (nếu có);

Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC (nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(2)... chấp thuận kết quả nghiệm thu của ....(3)... đối với hạng mục công trình/công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: .....

b) Địa điểm xây dựng: .....

c) Loại và cấp công trình: .....

d) Mô tả các thông số chính của công trình:.....

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- Chịu trách nhiệm về kết quả khắc phục và kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo công năng, thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác (nếu có) (*bổ sung hồ sơ, thủ tục pháp lý...*)

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- .... (1) (để b/c);
-.... (4);
- Lưu: ...

..... (2) .....
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

***Ghi chú:***

(1) Tên của cấp trên cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu.
(2) Tên cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu.
(3) Tên của chủ dầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư.
(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan được giao quản lý đầu tư xây dựng.
(5) Đối với các công trình trường bắn, thao trường huấn luyện.

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **TÊN ĐƠN VỊ (1)**<br>**CƠ QUAN CM VỀ XD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ..../BC-Tên viết tắt cơ quan báo cáo | *...., ngày .... tháng ... năm ....* |

**BÁO CÁO**

**Về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng và quản lý an toàn trong thi công xây dựng do ...(1)... quản lý năm ....**

Kính gửi: Cục Doanh trại/TCHC-KT.

## I. SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Thống kê số lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý thông qua công tác kiểm tra, nghiệm thu *(chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo)*. Trong đó:

1. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương[1]: ..... công trình.

2. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác[2]: .....công trình.

3. Đánh giá về công tác quản lý chất lượng thuộc đối tượng quản lý

a) Về chất lượng thi công xây dựng

.....

.....

b) Về tình hình vi phạm quy định về quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng đã bị xử lý vi phạm hành chính

.....

.....

c) Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng, đình chỉ khai thác, sử dụng

.....

.....

## II. SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thống kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).*

2. Kết quả giảm định chất lượng, giải quyết sự cố công trình xây dựng

---

[1] Khoản 25 Điều 4 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

[2] Các nguồn vốn khác là vốn không thuộc vốn ngân sách Trung ương.

a) Công tác giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 52 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP);

.....

.....

b) Kết quả giải quyết các sự cố thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 46 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

.....

.....

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XEM XÉT VÀ THÔNG BÁO Ý KIẾN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH, CÔNG BỐ CÔNG TRÌNH HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG THEO THIẾT KẾ, XEM XÉT VÀ THÔNG BÁO Ý KIẾN VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH**

1. Kết quả thực hiện xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình quy định tại Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Điều 17 Thông tư số 10/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (gọi tắt là Thông tư số 10/2021/TT-BXD).

.....

.....

2. Kết quả thực hiện công bố công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế quy định tại Điều 41 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ; Điều 19 của Thông tư số 10/2021/TT-BXD .

.....

.....

3. Kết quả thực hiện xem xét và thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp quy định tại Điều 41 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP .

.....

.....

**IV. QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG**

1. Công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng (chủ đầu tư; các nhà thầu thi công xây dựng công trình; người lao động), bao gồm:

- Việc tổ chức quản lý công tác an toàn lao động theo quy định;

- Việc lập, chấp thuận và thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình;

- Việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình;

- Quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng;

- Việc kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong thi công xây dựng, gồm: Số lượng công trình đã kiểm tra, số lượng nhà thầu thi công xây dựng đã được kiểm tra, các hành vi vi phạm quy định về an toàn lao lao động trong thi công xây dựng thường gặp;

- Việc tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người quản lý, sử dụng lao động và người lao động tham gia thi công xây dựng công trình.

2. Tình hình tai nạn lao động trong thi công xây dựng

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).*

**V. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO KHÁC VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Các nội dung báo cáo khác

.....

.....

2. Kiến nghị

.....

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
*(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

***Nơi nhận:***
- Cục Doanh trại/TCHC-KT;
- Lưu: VT.

---

***Ghi chú:***

(1) Tên đơn vị trực thuộc BQP.

* Kết quả thực hiện tính từ ngày 01/11 năm trước đến 30/10 của năm báo cáo.

**Phụ lục I**

**SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH TRONG KỲ BÁO CÁO NĂM ...(*)**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-... ngày..... tháng..... năm.... của..... )*

| Stt | Đanh mục/loại công trình | Đang thi công | | | | | Đã hoàn thành | | | | | | Nguồn vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cấp công trình | | | | | Cấp công trình | | | | | Báo cáo CQCM về xây dựng theo phân cấp | |
| | | Đặc biệt | I | II | III | IV | Đặc biệt | I | II | III | IV | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | | | | | | | | |
| **I** | **CÔNG TRÌNH LOẠI C, Đ** | | | | | | | | | | | | |
| **I.1** | **BỘ TRƯỞNG BQP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | |
| **A** | **Đân dụng (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 (***) | | | | | | | | | | | | NSQP |
| | Nhà SCH f | | | | | | | | 1 | | | x | |
| | Nhà ở… | | | | 1 | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 (***) | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Công nghiệp (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | Nhà xưởng … | | | | 1 | | | | | | | | |
| | Nhà xưởng … | | | | | | | | | | 1 | x | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **C** | **Giao thông (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | Đường asphalt từ… đến… | | | | | | | | | 1 | | x | |
| | Đường BTXM từ… đến… | | | | | 1 | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **Đ** | **Nông nghiệp và PTNT (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **E** | **Hạ tầng kỹ thuật (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **II.2** | **BỘ TRƯỞNG BQP ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | |
| **A** | **Đân dụng (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Công nghiệp (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **C** | **Giao thông (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **Đ** | **Nông nghiệp và PTNT (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **E** | **Hạ tầng kỹ thnật (**)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **CÔNG TRÌNH LOẠI B** | | | | | | | | | | | | |
| **II.1** | **TTMT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | Nhà điều hành trường bắn | | | | 1 | | | | | | | | |
| | Khu mục tiêu | | | | 1 | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | … | | | | | | | | | | | | |
| **II.2** | **TTMT ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:**

- (*) Bao gồm công trình chuyển tiếp và mở mới trong năm.
- (**) Xác định theo dự án được duyệt.
- (***) Ghi tên từng dự án và tên từng công trình thuộc dự án.

+ Cấp công trình ghi theo Quyết định phê duyệt.

+ Trường hợp trong Quyết định phê duyệt ghi cấp theo công trình chính thì các công trình còn lại xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng.

+ Trường hợp trong Quyết định phê duyệt không ghi rõ cấp công trình thì xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng.

- Cột (13): Đánh dấu x đối với các công trình (dự án) hoàn thành dã báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp.

**Phụ lục II**

**SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH ĐƯỢC KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU THEO THẨM QUYỀN NĂM ...(*)**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-... ngày..... tháng..... năm.... của..... )*

| Stt | Danh mục | Kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng | | | | | Kiểm tra khi hoàn thành thi công xây dựng | | | | | | | | | | | | | | | Nguồn vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Chưa chấp thuận kết quả nghiệm thu | | | | | Đã chấp thuận kết quả nghiệm thu | | | | | Không chấp thuận kết quả nghiệm thu | | | | | |
| | | Cấp công trình | | | | | Cấp công trình | | | | | Cấp công trình | | | | | Cấp công trình | | | | | |
| | | Đặc biệt | I | II | III | IV | Đặc biệt | I | II | III | IV | Đặc biệt | I | II | III | IV | Đặc biệt | I | II | III | IV | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) |
| **I** | **CÔNG TRÌNH LOẠI C, LOẠI Đ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **I.I** | **BỘ TRƯỞNG BQP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **A** | **Dân dụng (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 (***) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | NSQP |
| | Nhà SCH f | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | | | | |
| | Nhà ở... | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 (***) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Công nghiệp (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhà xưởng … | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Nhà xưởng … | | | | | | | | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **C** | **Giao thông (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Đường asphalt từ… đến… | | | | | | | | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| | Đường BTXM từ… đến… | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **D** | **Nông nghiệp và PTNT (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **E** | **Hạ tầng kỹ thuật (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II.2** | **BỘ TRƯỞNG BQP ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **A** | **Đân dụng (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Công nghiệp (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **C** | **Giao thông (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Đự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **D** | **Nông nghiệp và PTNT (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **E** | **Hạ tầng kỹ thuật (**)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **II** | **CÔNG TRÌNH LOẠI B** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II.1** | **TTMT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Nhà điều hành trường bắn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khu mục tiêu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II.2** | **TTMT ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:**

- (*) Bao gồm công trình chuyển tiếp và mở mới trong năm.
- (**) Xác định theo dự án được duyệt.
- (***) Ghi tên từng dự án và tên từng công trình thuộc dự án.

+ Cấp công trình ghi theo Quyết định phê duyệt.

+ Trường hợp trong Quyết dịnh phê duyệt ghi cấp theo công trình chính thì các công trình còn lại xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng.

+ Trường hợp trong Quyết định phê duyệt không ghi rõ cấp công trình thì xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng.

**Phụ lục III**

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SỰ CỐ CÔNG TRÌNH TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG XÂY DỰNG VÁ KHAI THÁC SỬ DỤNG NĂM ...**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-... ngày..... tháng..... năm.... của..... )*

| Stt | Loại công trình | Công trình đang thi công xây dựng | | | Công trình đang khai thác, sử dụng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cấp sự cố (*) | | | Cấp sự cố (*) | | |
| | | I | II | III | I | II | III |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| **I** | **CÔNG TRÌNH LOẠI C, LOẠI D** | | | | | | |
| **I.1** | **BỘ TRƯỞNG BQP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | |
| **A** | **Đân đụng (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 (***) | | | | | | |
| | Nhà SCH f | | | | | 1 | |
| | Nhà ở... | | | 1 | | | |
| | ... | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 (***) | | | | | | |
| | ... | | | | | | |
| **B** | **Công nghiệp (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | ... | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | ... | | | | | | |
| **C** | **Giao thông (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | ... | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | … | | | | | | |
| **D** | **Nông nghiệp và PTNT (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **E** | **Hạ tầng kỹ thuật (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **II.2** | **BỘ TRƯỞNG BQP ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | |
| **A** | **Dân dụng (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **B** | **Công nghiệp (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **C** | **Giao thông (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **D** | **Nông nghiệp và PTNT (**)** | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **E** | **Hạ tầng kỹ thuật (**)** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **II** | **CÔNG TRÌNH LOẠI B** | | | | | | |
| **II.1** | **TTMT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| **II.2** | **TTMT ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ** | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | |
| | … | | | | | | |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | | |

**Ghi chú:**

- (*) Cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
- (**) Xác định theo dự án được duyệt.
- (***) Ghi tên từng dự án và tên từng công trình thuộc dự án có sự cố xảy ra.

**Phụ lục IV**

**TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY ĐỰNG NĂM ...**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-... ngày..... tháng..... năm.... của..... )*

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng cùng kỳ năm trước | Số lượng trong kỳ báo cáo |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tổng số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình** | Vụ | | |
| 1 | Do sự cố công trình gây ra | Vụ | | |
| 2 | Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra | Vụ | | |
| 3 | Do người lao động gây ra | Vụ | | |
| 4 | Do nguyên nhân khác gây ra | Vụ | | |
| **II** | **Tổng số người chết do tai nạn lao động trong thi công XĐCT** | Người | | |
| 1 | Do sự cố công trình gây ra | Người | | |
| 2 | Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra | Người | | |
| 3 | Do người lao động gây ra | Người | | |
| 4 | Do nguyên nhân khác gây ra | Người | | |
| **III** | **Tổng số người bị thương do tai nạn lao động trong thi công XĐCT** | Người | | |
| 1 | Do sự cố công trình gây ra | Người | | |
| 2 | Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra | Người | | |
| 3 | Do người lao động gây ra | Người | | |
| 4 | Do nguyên nhân khác gây ra | Người | | |
| **IV** | **Tỷ lệ số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình** | | | |
| - | Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố công trình gây ra | % | | |
| - | Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra | % | | |
| - | Tỷ lệ số vụ TNLĐ do người lao động gây ra | % | | |
| - | Tỷ lệ số vụ TNLĐ do nguyên nhân khác gây ra | % | | |

Ghi chú: (*) Tỷ lệ % tính theo sự cố tương ứng trên tổng số vụ (phần I)